



Tổng công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
17-09-2020 16:48:24 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 213 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

VTU - 59 - 2020

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ VT-TV_2009_01 đến VT-TV_2009_13, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 9/2020, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu bằng mét tính từ mực nước số “0” Hải đồ như sau:

1. Đoạn luồng từ phao “0” đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,6km, chiều rộng luồng nhỏ nhất 310m như sau:

- Dải điểm độ sâu kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “1”- 320m đến thượng lưu phao BHHH số “1” + 150m, chiều dài khoảng 470m, lần luồng xa nhất 30m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,6m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm độ sâu 13,7m; 13,4m; 13,9m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,7	10°18'01,2" N	107°04'22,2" E	10°17'57,5" N	107°04'28,6" E
13,4	10°18'22,8" N	107°04'05,3" E	10°18'19,1" N	107°04'11,7" E
13,9	10°20'13,2" N	107°02'57,8" E	10°20'09,5" N	107°03'04,3" E
13,9	10°28'04,1" N	106°59'37,6" E	10°28'00,5" N	106°59'44,0" E

- Đoạn từ hạ lưu phao BHHH số “5”- 680m đến thượng lưu phao BHHH số “5” + 150m, chiều dài khoảng 830m, lần luồng xa nhất 150m, xuất hiện các điểm độ sâu 12,8m; 10,3m; 11,5m; 11,7m, 12,9m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
12,8	10°19'38,0" N	107°03'19,1" E	10°19'34,3" N	107°03'25,5" E
10,3	10°19'39,7" N	107°03'18,4" E	10°19'36,1" N	107°03'24,9" E
12,8	10°19'41,6" N	107°03'15,8" E	10°19'37,9" N	107°03'22,2" E
11,5	10°19'44,6" N	107°03'15,5" E	10°19'40,9" N	107°03'21,9" E
11,7	10°19'47,4" N	107°03'14,2" E	10°19'43,7" N	107°03'20,7" E
12,9	10°19'49,8" N	107°03'13,2" E	10°19'46,1" N	107°03'19,6" E

Ngoài ra độ sâu nhỏ nhất đạt 13,0m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 13,9m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “5” + 150m đến thượng lưu phao BHHH số “5” + 1100m, chiều dài khoảng 1250m, lần luồng xa nhất 130m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,3m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “14” - 1200m đến hạ lưu phao BHHH số “16” - 250m, chiều dài khoảng 3,6km, lần luồng xa nhất 50m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,5m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “16” - 250m đến thượng lưu phao BHHH số “18” + 250m, chiều dài khoảng 1,5km, lần luồng xa nhất 100m, xuất hiện điểm độ sâu 12,9 nằm sát biên luồng cách biên luồng khoảng 27,0m tại khu vực phao BHHH số “16”, ngoài ra độ sâu nhỏ nhất đạt 13,3m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 13,9m,

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “15” - 1000m đến hạ lưu phao BHHH số “15” - 100m, chiều dài khoảng 900m, lần luồng xa nhất 62m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,4m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “15” đến thượng lưu phao BHHH số “17” + 1100m, chiều dài khoảng 2,4km, lần luồng xa nhất 145m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 13,9m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,5m trở lên.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “19” - 990m đến thượng lưu phao BHHH số “19” + 750m, chiều dài khoảng 1,74km, lần luồng xa nhất 100m, độ sâu nhỏ nhất trong đạt 13,3m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ phao BHHH số “26” - 90m đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép, chiều dài khoảng 360m, lần luồng xa nhất 100m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,2m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0m trở lên.

- Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu là đường tròn đường kính 700m tại khu vực phía trước Cảng container Quốc tế SP-SSA: Độ sâu nhỏ nhất đạt 16,2m.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5km, chiều rộng luồng 310m (nhỏ nhất 260m) như sau:

- Xuất hiện các điểm cạn 11,6m; 11,8m; 11,7m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
11,6	10°32'25,9" N	107°01'26,4" E	10°32'22,2" N	107°01'32,9" E
11,6	10°32'44,2" N	107°01'08,2" E	10°32'40,6" N	107°01'14,6" E
11,8	10°32'44,9" N	107°01'05,8" E	10°32'41,2" N	107°01'12,2" E
11,6	10°32'57,5" N	107°01'02,2" E	10°32'53,9" N	107°01'08,6" E
11,7	10°33'05,5" N	107°00'44,5" E	10°33'01,8" N	107°00'50,9" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “35” đến thượng lưu phao BHHH số “37” + 350m, chiều dài khoảng 1,6km, lần luồng xa nhất 82m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,9m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “42” – 440m đến phao BHHH số “44”, chiều dài khoảng 1,2km, lần luồng xa nhất 120m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,3m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0m trở lên.

- Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu là đường tròn đường kính 500m tại khu vực phía trước nhà máy đóng tàu Ba Son: Độ sâu nhỏ nhất đạt 12,1m.

- Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu là đường tròn đường kính 515m tại khu vực phía trước Cảng Quốc tế SP-PSA: độ sâu nhỏ nhất đạt 9,3m.

3. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) có chiều dài 2,8km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220m như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “44” đến phao BHHH số “46”, chiều dài khoảng 390m, lần luồng xa nhất 66m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,0m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “46” + 170m đến thượng lưu phao BHHH số “46” + 360m, chiều dài khoảng 190m, lần luồng xa nhất 28m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,7m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “48”+670m đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV), chiều dài khoảng 860m, lần luồng xa nhất 46m, độ sâu nhỏ nhất đạt 9,3m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0m trở lên.

- Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu là đường tròn đường kính 465m tại khu vực phía trước Bến cảng Quốc tế Thị Vải: Độ sâu nhỏ nhất đạt 8,8m.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến hết vùng quay trở tàu phía thượng lưu bến cảng Vedan Phước Thái có chiều dài 9,6km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90m như sau:

- Xuất hiện các điểm độ sâu 6,8m; 6,7m; 6,4m; 7,1m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
6,8	10°38'26,6" N	107°00'30,0" E	10°38'23,0" N	107°00'36,5" E
6,7	10°38'45,3" N	107°00'38,1" E	10°38'41,6" N	107°00'44,6" E
6,4	10°38'46,0" N	107°00'37,9" E	10°38'42,3" N	107°00'44,4" E
7,1	10°39'27,6" N	107°00'57,7" E	10°39'23,9" N	107°01'04,1" E
7,1	10°39'29,9" N	107°00'58,5" E	10°39'26,3" N	107°01'05,0" E
6,4	10°39'31,3" N	107°00'55,1" E	10°39'27,7" N	107°01'01,5" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “66” đến vùng quay trở tàu, chiều dài khoảng 530m, lần luồng xa nhất 57m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 6,8m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,4m trở lên.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 7,2m trở lên.

- Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu là đường tròn đường kính 250m tại khu vực phía thượng lưu Bến cảng Phước Thái: Độ sâu nhỏ nhất đạt 4,7m.

5. Đoạn luồng từ Vũng quay trở tàu rộng 250m về phía thượng lưu có chiều dài 3,5km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tim tuyến xác định theo bảng tọa độ sau:

Tim tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
T1	10°40'32,5" N	106°59'16,1" E	10°40'28,8" N	106°59'22,6" E
T2	10°40'32,5" N	106°59'16,1" E	10°40'28,8" N	106°59'22,6" E
T3	10°40'24,1" N	106°59'19,2" E	10°40'20,4" N	106°59'25,6" E
T4	10°40'07,3" N	106°59'25,3" E	10°40'03,7" N	106°59'31,8" E
T5	10°40'06,9" N	106°59'34,4" E	10°40'03,2" N	106°59'40,8" E
T6	10°40'18,5" N	106°59'42,2" E	10°40'14,8" N	106°59'48,7" E
T7	10°40'18,5" N	106°59'50,5" E	10°40'14,8" N	106°59'56,9" E
T8	10°40'03,8" N	106°59'56,3" E	10°40'00,1" N	107°00'02,7" E
T9	10°39'56,5" N	107°00'03,5" E	10°39'52,8" N	107°00'09,9" E
T10	10°39'49,3" N	107°00'21,4" E	10°39'45,6" N	107°00'27,8" E
T11	10°39'45,9" N	107°00'33,9" E	10°39'42,2" N	107°00'40,4" E

- Xuất hiện các điểm độ sâu 5,9m; 3,6m; 5,5m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
5,9	10°40'19,4" N	106°59'42,2" E	10°40'15,7" N	106°59'48,6" E
3,6	10°40'06,9" N	106°59'24,1" E	10°40'03,2" N	106°59'30,5" E
5,5	10°40'10,1" N	106°59'23,2" E	10°40'06,4" N	106°59'29,7" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,2m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Tàu thuyền hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý các dải điểm độ sâu, điểm độ sâu và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai để đảm bảo an toàn hàng hải./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Năng}.

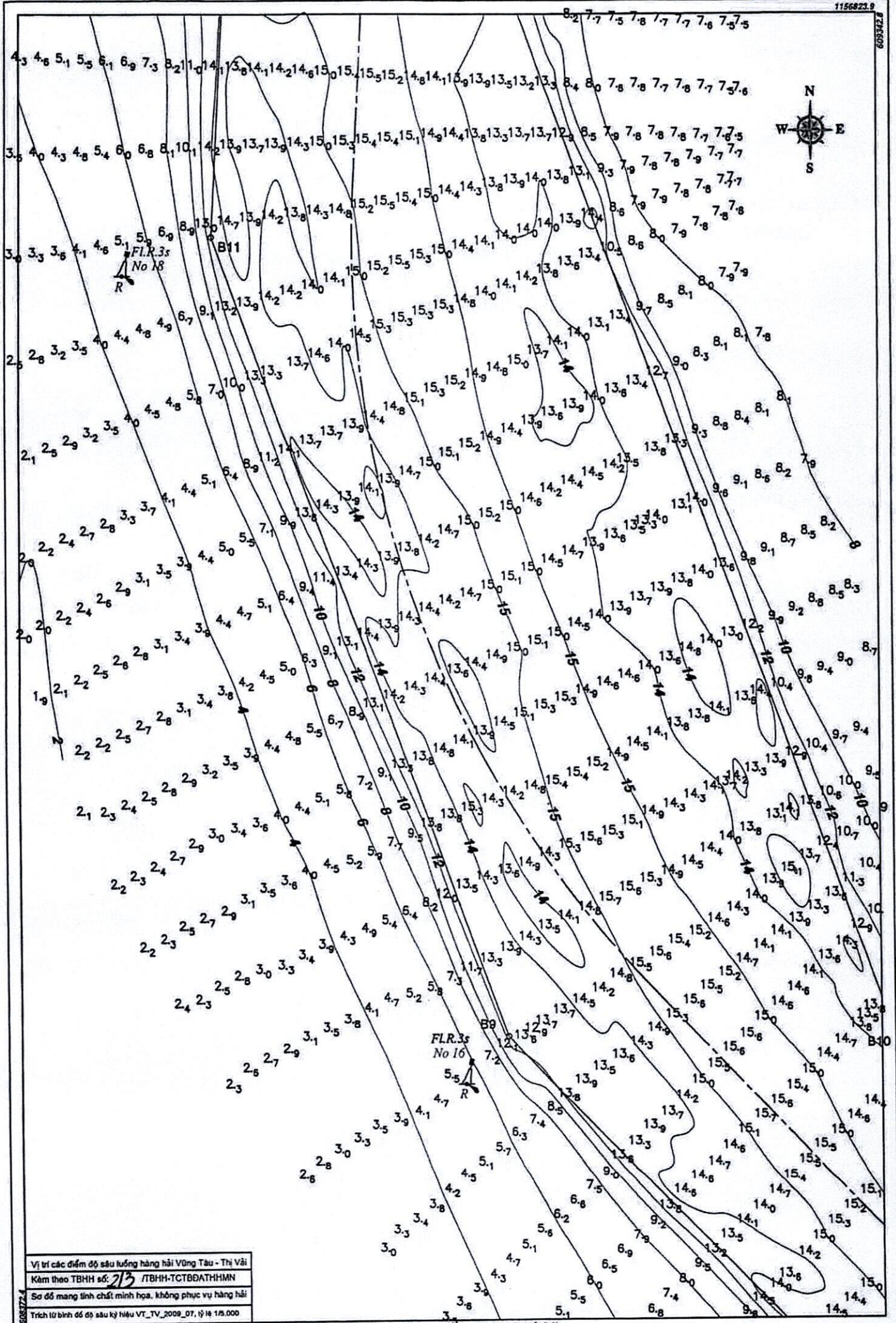
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



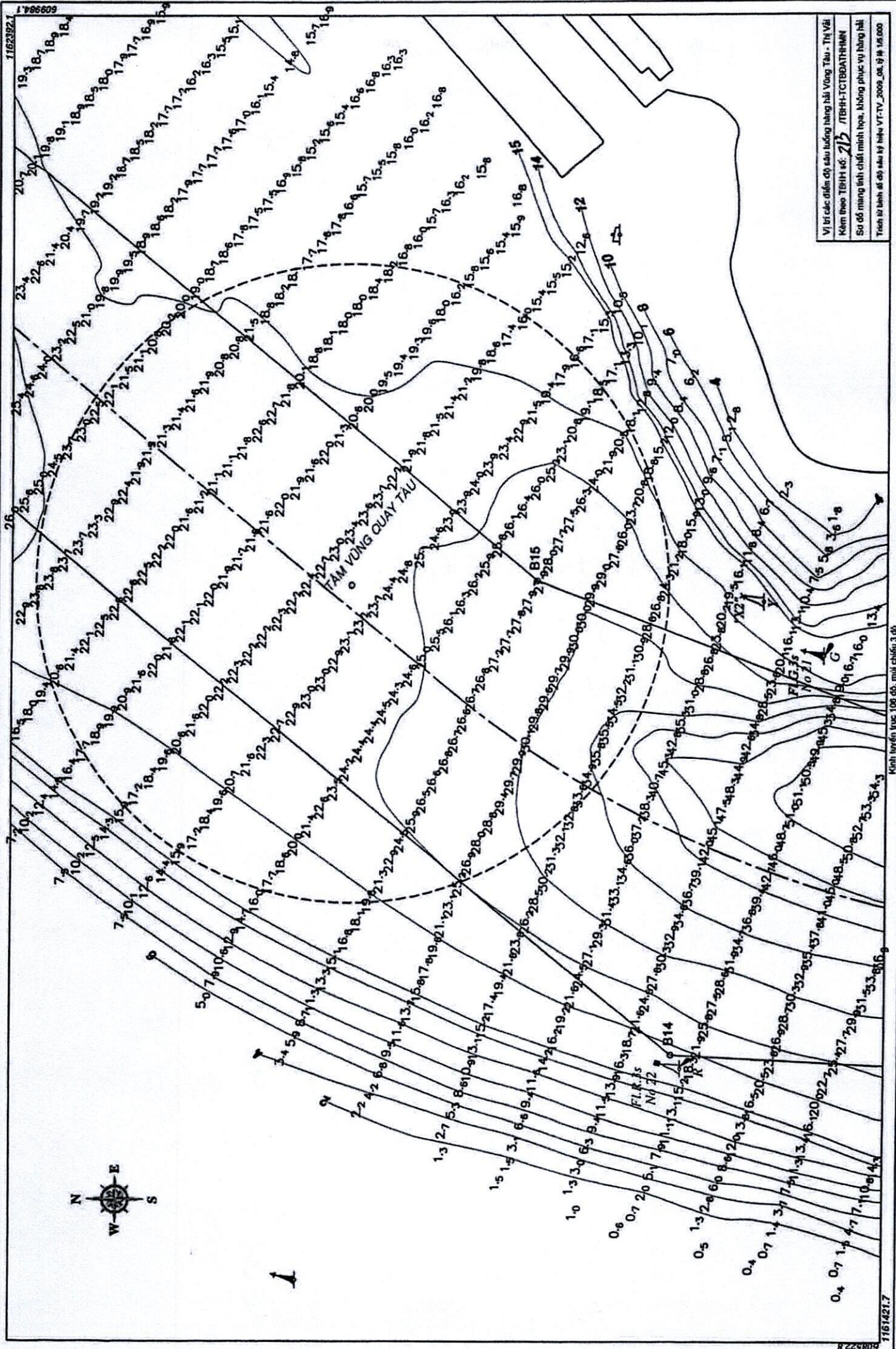
Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Chi Cục đường sông phía Nam
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Do (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 27 CN1 – Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 28 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IX
- 29 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 30 Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu
- 31 Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Nai
- 32 Sở GTVT, Sở NN&PTNT các tỉnh:
Bà Rịa – Vũng Tàu
Đồng Nai



Vị trí các điểm độ sâu tương hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải
 Kèm theo TBHH số: **213** /TBHH-TCTBĐATHHVN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỳ hiệu VT_TV_2009_07, tỷ lệ 1:15.000
 1155362.6



Vị trí các điểm đo sâu tương ứng hải Vong Tàu - Thị Vải
 Kèm theo TĐH1 số: 215 /TBH-TCTBĐTHHVN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trình tự hình vẽ theo tiêu chuẩn VT-TV, 2009, 08, ở tỷ lệ 1:50.000

Khoảng cách 100 mét, mỗi chiều 3 độ

1161421.7



CẢNG BA SON
BASON PORT

FLOATING DOCK

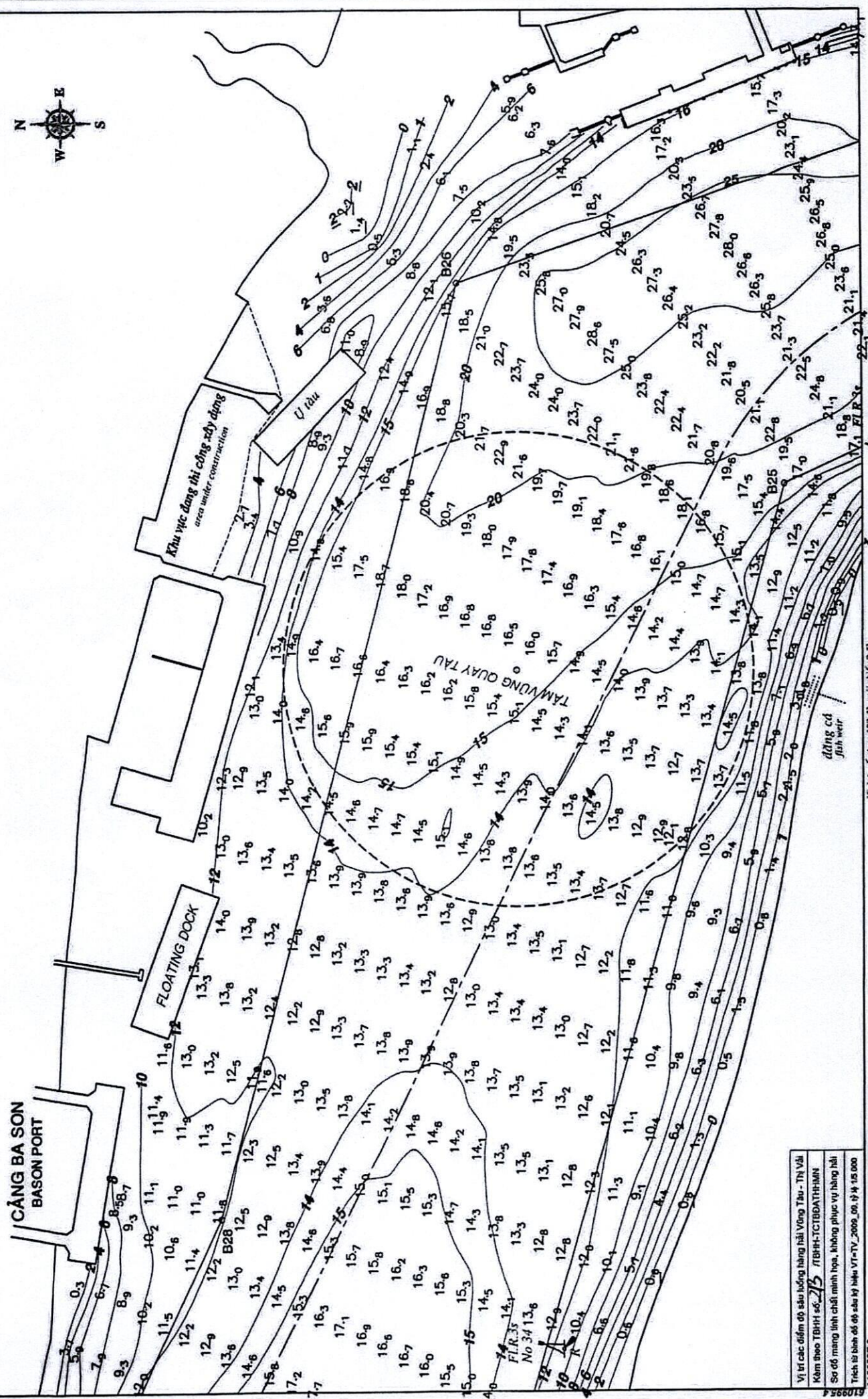
Khu vực đang thi công xây dựng
area under construction

U Râu

TAM NGUNG QUAY TÀU

Vị trí các điểm đo sâu hướng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải
Kèm theo TBHH số 215 /TBHH-TCTBĐTHMN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bản đồ đo sâu tỷ lệ 1:50.000, năm 2009, số 14 15 000
1166037.9

Kinh tuyến trục 108 độ, múi giờ 3 giờ





dăng cá
fish weir

TÂM VÙNG QUAY TÀU

CẢNG QUỐC TẾ SP-PSA
SP-PSA INTERNATIONAL PORT

FLG.35
No.37

dăng cá
fish weir

Vị trí các điểm độ sâu luồng hàng hải Vùng Tàu - Thị Vải
Kèm theo TBHH số: 215 /TBHH-TCTBDATHHVN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu VT_TV_2009_10, tỷ lệ 1/5.000